



Số: 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ/DSC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DNSC ngày 05/03/2021;
- Tờ Trình ĐHĐCĐ số 08/2021/TTr-HĐQT/DNSC tại ngày 26/02/2021 về kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty;
- Tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;

Ngày 08/01/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2021, Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19 và dựa trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 thông qua điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021	
		Đã thông qua theo NQ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DNSC ngày 05/03/2021	Điều chỉnh
1	Tổng doanh thu	121	41
1.1	Nghiệp vụ môi giới chứng khoán	17	5.5
1.2	Cho vay ký quỹ	25	5
1.3	Ngân hàng đầu tư	52	0
1.4	Tự doanh chứng khoán	27	5.5
1.5	Kinh doanh vốn và tài sản tài chính	0	25
2	Lợi nhuận trước thuế	60	10
3	Lợi nhuận sau thuế	48	8

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP.Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Anh



Số: 02/2021/PH-ĐHĐCĐ/DSC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/201/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (“Điều Lệ Công Ty”);

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị đã rà soát Điều lệ và các quy chế hoạt động nội bộ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty.

Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều Lệ Công Ty
(Chi tiết tại Bảng so sánh sửa đổi Điều lệ đính kèm);
2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
(Chi tiết tại Bảng so sánh sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đính kèm);
3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế hoạt động của HĐQT
(Chi tiết tại Bảng so sánh sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT đính kèm).
4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi và bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung vào Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Anh



BẢNG SO SÁNH

SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

(Đính kèm Tờ trình số: 02/2021/TTr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 12 tháng 11 năm 2021)

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
Trang mở đầu	HÀ NỘI, THÁNG 7 NĂM 2021	HÀ NỘI, THÁNG ... NĂM 2021	Cập nhật tháng ban hành
Căn cứ pháp lý	<p>- <u>Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p>- <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 05/03/2021;</u></p> <p>- <u>Giấy phép điều chỉnh số: 53/GPĐC-UBCK do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/07/2021 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (“Giấy phép điều chỉnh số 53”)</u></p>	<p>- <u>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>- <u>Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>- <u>Giấy phép hoạt động công ty chứng khoán số 29/UBCK-QPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và các lần điều chỉnh;</u></p> <p>- <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số: .../2021/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày .../.../2021;</u></p>	Cập nhật căn cứ pháp lý có hiệu lực tại thời điểm ban hành
	g) “Người quản lý Công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc), Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;	g) “Người quản lý Công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;	Bổ Ban Giám đốc
Điểm n Khoản 40.3 Điều 40 và Tiết	Ban Giám đốc	Ban <u>Tổng</u> Giám đốc	Sửa đổi tên gọi theo đúng cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
iii Điểm c Khoản 8.2 Điều 8			
Khoản 1.1 Điều 1		j) “ <u>Cổ đông</u> ” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.	Bổ sung khái niệm Cổ đông do nội dung Điều lệ đề cập nhiều nhưng chưa có khái niệm
Khoản 4.1 Điều 4	4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty: bao gồm các nghiệp vụ được cấp phép theo Giấy phép hoạt động của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty: bao gồm các nghiệp vụ được cấp phép theo Giấy phép hoạt động và <u>Giấy phép điều chỉnh</u> của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	Bổ sung Giấy phép điều chỉnh
Khoản 4.3 Điều 4	4.3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại <u>Khoản 1</u> Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.	4.3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại <u>Khoản 4.1</u> Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.	Dẫn chiếu lại Điều khoản trong Điều lệ
Khoản 10.1 Điều 10	10.1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: <u>60.000.000.000 VND</u> (bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng).	10.1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: <u>1.000.000.000.000 đồng Việt Nam</u> (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng).	Cập nhật vốn điều lệ mới theo GPĐC số 74; Thống nhất cách viết đơn vị tiền tệ trong Điều lệ
Khoản 11.1 Điều 11	11.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>6.000.000 (sáu triệu)</u> cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 (mười nghìn) đồng Việt Nam/cổ phần. 11.2. Các loại cổ phần của Công ty: a) Cổ phần phổ thông: <u>6.000.000</u> cổ phần; ...	11.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>100.000.000 (Bằng chữ: Một trăm triệu)</u> cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 (Bằng chữ: mười nghìn) đồng Việt Nam/cổ phần. 11.2. Các loại cổ phần của Công ty: a) Cổ phần phổ thông: <u>100.000.000</u> cổ phần; ...	Cập nhật số cổ phần tương ứng với vốn điều lệ mới theo GPĐC số 74
Điều 12	12.1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Luật Chứng khoán, pháp	12.1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này. Cổ phiếu <u>đăng ký giao dịch</u> , niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Luật Chứng	Bổ sung đối tượng chuyển nhượng trên Sở Giao dịch chứng khoán

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
	luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.	khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.	
Điều 12	12.2. <u>Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc chiếm từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.</u>		Bỏ do quy định này không còn hiệu lực theo Thông tư 121/2020/TT-BTC
Điều 12	12.3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	12.3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán <u>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u>	Bổ sung quy định
Khoản 24.5 Điều 24	e) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.	e) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <u>hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.	Sửa đổi thời gian gửi Thông báo mời họp theo Luật Doanh nghiệp
Khoản 25.1 Điều 25	<u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u>	<u>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy</u>	Sửa đổi theo quy định hiện hành: không cần phải theo

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
	<p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p><u>quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p><u>Người được ủy quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</u></p>	<p>mẫu công ty và có thể ủy quyền lại;</p> <p>Sửa đổi dựa trên Điều 16 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Khoản 25.2 Điều 25</p>	<p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên <u>bốn mươi tám (48) giờ</u> trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ quy định về thời hạn 48 tiếng</p>
<p>Khoản 28.1 Điều 28</p>	<p>b) Khi đăng ký cổ đông, Người đăng ký dự họp sẽ được cấp <u>thẻ biểu quyết</u> trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó</p>	<p>b) Khi đăng ký cổ đông, Người đăng ký dự họp sẽ được cấp <u>thẻ biểu quyết, và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có)</u> trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;</p>	<p>Bổ sung Thẻ/phiếu phát cho cổ đông</p>
<p>Khoản 28.3 Điều 28</p>	<p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì <u>các thành viên còn lại</u> bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. <u>Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.</u> Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì <u>các thành viên Hội đồng quản trị còn lại</u> bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Sửa đổi dựa trên khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
Điều 28	28.6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. <u>Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u>	28.6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được <u>Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u>	Bổ quy định về việc thu thẻ biểu quyết
Điều 29	29.3. Việc <u>biểu quyết</u> bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. <u>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử Công ty.</u>	29.3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. <u>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên là ứng cử viên nhận được tổng số phiếu bầu từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm bầu và được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử Công ty.</u>	Sửa đổi cách diễn đạt; Sửa đổi điều kiện trúng cử Thành viên HĐQT
Điều 29	29.7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.	29.7. Quyết định/ <u>Nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày <u>hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</u> kể từ ngày quyết định được thông qua.	Bổ sung quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
Điều 30	30.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất	30.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất	Bổ sung quy định liên quan đến tài liệu lấy ý kiến

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
	là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.	là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu lấy ý kiến theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu.</u>	
Điều 33	33.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	33.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải <u>được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</u> và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
Khoản 34.2 Điều 34	b) <u>Kiến nghị</u> loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại	b) <u>Đề xuất</u> loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, <u>việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</u>	Bổ sung các loại trái phiếu phải thông qua tại ĐHĐCĐ
Khoản 34.2 Điều 34	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm l), n) Khoản 22.1 Điều 22 Điều lệ này và giao dịch với người liên quan theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay; <u>hợp đồng tiền gửi và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm l), n) Khoản 22.1 Điều 22 Điều lệ này và giao dịch với người liên quan theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</u>	Bổ sung đối tượng hợp đồng mà HĐQT thông qua
Khoản 34.2 Điều 34	p) <u>Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng</u>		Bổ quy định

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
	<u>quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;</u>		
Khoản 34.2 Điều 34		p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;	Bổ sung quy định theo
Khoản 34.2 Điều 34	m) Trình báo cáo <u>quyết toán</u> tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;	m) Trình báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;	Bỏ từ “quyết toán”
Khoản 34.2 Điều 34	s) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);	s) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính <u>vượt quá 10% giá trị kế hoạch hàng năm</u> do Tổng Giám đốc và/hoặc Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);	Bổ sung giá trị phải được HHDQT thông qua
Khoản 34.2 Điều 34	t) <u>Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;</u>		Bỏ quy định về việc phủ quyết
Điều 36	36.3. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) công ty khác (<u>đối với công ty niêm yết</u>).	36.3. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) công ty khác.	Quy định chung đối với Công ty đại chúng
Khoản 40.3 Điều 40	r) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, <u>độc lập</u> hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;	r) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;	Bỏ quy định về Thành viên Hội đồng quản trị độc lập do Công ty không có
Điều 41	Điều 41. Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị	Điều 41. Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị	Chuyển bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc sự điều

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
Điều 45	Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và <u>Quản trị rủi ro</u> trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	hành, quản lý của Ban Tổng Giám đốc
Điều 45	41.2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận (Ban) Quản trị rủi ro:	45.3. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận (Ban) Quản trị rủi ro:	
Điều 43	43.5. Tổng Giám đốc <u>không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty (Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).</u>	43.5. Tổng Giám đốc <u>phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.</u>	Bộ quy định liên quan đến điều kiện của Tổng Giám đốc đối với doanh nghiệp Nhà nước; Bổ sung quy định theo Điều 10 Thông tư 121.
Điều 42	<p>42.5. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Tổng Giám đốc là người <u>điều hành</u> công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp Luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức <u>các chức danh quản lý trong Công ty</u>, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;</p> <p>e) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>42.5. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>Tổng Giám đốc là người <u>quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</u>; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp Luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện <u>Nghi quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</u>;</p> <p>b) <u>Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phân công, phân cấp, giao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị</u>;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p>	Sửa đổi dựa trên Luật Doanh nghiệp và thực tế triển khai phù hợp với mô hình, chính sách quản trị Công ty

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
	<p>f) Các quyền và nhiệm vụ khác <u>được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p>	<p>e) <u>Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của Công ty;</u></p> <p>f) <u>Trình báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm lên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g) <u>Tổ chức, quản lý và điều hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;</u></p> <p>h) <u>Ban hành các quy trình nghiệp vụ, các quy định, văn bản hướng dẫn để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và công tác quản trị điều hành tại Công ty;</u></p> <p>i) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty theo các quy định nội bộ của Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;</u></p> <p>j) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo các quy định nội bộ của Công ty;</u></p> <p>k) <u>Đề xuất số lượng và cán bộ giữ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định nội bộ của Công ty;</u></p> <p>l) <u>Tuyển dụng lao động;</u></p> <p>m) <u>Tổ chức, sắp xếp và sử dụng nhân sự tại các Đơn vị trực thuộc TGD, tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện để triển khai công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</u></p> <p>n) <u>Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
		o) Các quyền và nhiệm vụ khác <u>phù hợp với Pháp Luật, Điều lệ này và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u>	
Khoản 47.3 Điều 47	h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên <u>Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)</u> vi phạm Pháp Luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả.	h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên <u>Ban Tổng Giám đốc</u> vi phạm Pháp Luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả.	Bỏ Ban Giám đốc
Điều 57	57.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; b) Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc hoặc</u> Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc hoặc</u> Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 58.2 Điều 58 của Điều lệ này.	57.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 58.2 Điều 58 của Điều lệ này.	Cập nhật tên gọi theo đúng cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty
Điều 62	Điều 62. Báo cáo tài chính năm, <u>sáu tháng</u> và quý	Điều 62. Báo cáo tài chính năm, <u>bán niên</u> và quý	Sử dụng thuật ngữ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 62	62.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này, và <u>trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày</u>	62.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều	Bỏ quy định về nộp BCTC đã được ĐHĐCĐ thông

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CĂN CỨ/GHI CHÚ
	kể từ ngày kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.	67 Điều lệ này, và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.	qua; Sửa đổi đối tượng nộp: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Điều 62	62.5. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	62.5. Công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên và quý theo quy định Pháp Luật.	Sử dụng thuật ngữ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; Bỏ chi tiết đối tượng nộp Báo cáo do không phù hợp quy định pháp luật hiện hành
Khoản 62.6 và 62.7 Điều 62	Báo cáo sáu tháng	Báo cáo bán niên	Sử dụng thuật ngữ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 77	77.1. Bản điều lệ này gồm 13 Chương 77 Điều, được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán DSC (thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 05 tháng 03 năm 2021) thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.	77.1. Bản điều lệ này gồm 13 Chương 77 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ ngày ... tháng ... năm 2021.	Cập nhật lại thông tin sự sửa đổi Điều lệ.

Lưu ý:

- Các nội dung không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất sửa đổi là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.





Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua việc điều chỉnh tên tiếng Anh của Công ty

tại Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/201/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (“Điều Lệ Công Ty”);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua điều chỉnh tên tiếng Anh tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400554813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/12/2006, thay đổi lần thứ 01 ngày 12/10/2021 của Công ty như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh đã đăng ký: **DSC SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh sau khi thay đổi: **DSC SECURITIES CORPORATION**

- Đại hội đồng cổ đông giao Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc triển khai thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến việc thay đổi tên tiếng Anh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Anh